TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS-PT.
Ngày: 20/12/2022
V/v:"Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Như Hiển.
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang;
Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLPT- DS ngày 18/11/2022 về việc: "*Kiện đòi tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Bùi Đức L, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ L, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang

- ***Bị đơn:*** Chị Vũ Thị Kim T, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L T, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Trần Thị D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ L, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D là anh Bùi Đức L, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ : Tổ dân phố Đ L, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Vũ Xuân Tr, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L T, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

- ***Người kháng cáo***: Anh Vũ Xuân Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo anh Bùi Đức L trình bầy: Gia đình anh có cửa hàng bán quần áo nên có nhiều khách hàng đến nhờ anh chuyển khoản giúp. Vào khoảng từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ, ngày 26/5/2022 chị T có đến cửa hàng anh nhờ tôi chuyển khoản giúp vào số tài khoản 2508285175506 của chị T mở tại Agribank. Do tin tưởng chị T nhờ chuyển khoản xong thì sẽ trả tôi bằng tiền mặt ngay nên tôi có chuyển 3 mã tiền cho chị T gồm lần đầu là 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng); lần thứ 2 chuyển số tiền 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng); lần thứ 3 chuyển số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Sau khi chuyển tiền cho chị T lần thứ hai xong, thì tôi có yêu cầu chị T đưa tiền mới chuyển tiếp, chị T bảo đợi người ta chuyển khoản cho chị thì chị trả tôi. Do lúc đó đang có khách mua quần áo không để ý đến chị T, anh thấy chị T có gọi cho ai đó vào trao đổi với nhau một lúc, sau đó chị T giục tôi chuyển tiếp số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) tôi đã chuyển tiếp mã thứ 3 cho chị T. Sau khi chuyển hết số tiền 211.000.000đ (hai trăm mười một triệu đồng) cho chị T, không thấy ai chuyển tiền cho chị T để chị T trả tôi. Tôi có yêu cầu chị T gọi người nhà đến, chị T có gọi cho chồng chị T nhưng không thấy nghe máy, lúc này chị T có nói vay tiền của Công ty tài chính nào đó trả nợ cho chồng và lấy vốn bán hàng, nhưng nay bị lừa. Sau đó chị T có đưa cho tôi một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố đẻ chị T, một căn cước công dân, một sổ hộ khẩu gia đình để làm tin và chị T có giới thiệu chồng chị làm trưởng phòng nông nghiệp trên huyện do tôi nghĩ chồng chị làm ở trên huyện sẽ không lừa tôi nên tôi đã yêu cầu chị viết giấy hẹn 5 ngày sau sẽ trả tiền. Trong giấy hẹn chị T cũng đã nhận nếu 5 ngày sau không trả tiền thì chị sẽ phát mại tài sản mà chị làm chủ sở hữu để thanh toán cho tôi. Nhưng đến nay tôi được biết chị T không có tài sản gì cả. tôi đến gặp đòi chị nhiều lần chị chỉ nói đang bàn bạc với chồng vay mượn tiền trả cho tôi, nhưng từ đó đến nay chị không trả. Nay tôi yêu cầu vợ chồng chị T, anh Tr phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 211.000.000đ và trả lãi cho tôi theo lãi xuất 1%/1 tháng tính từ ngày 31/5/2022. Tại phiên tòa anh L chỉ yêu cầu chị T, anh Tr trả tiền, mà không yêu cầu trả lãi nữa.

Tại bản khai của chị Vũ Thị Kim T trình bầy: Chị và anh L chỉ quen biết nhau qua vài lần đến cửa hàng của Luận mua quần áo. Vào khoảng ngày 23 hoặc 24/5/2022 do có nhu cầu cần vốn để làm ăn bán hàng online chị có làm hồ sơ vay vốn trên ap điện thoại của công ty tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vay 110.000.000đ, Công ty tài chính chị không nhớ tên cụ thể, sau khi hoàn tất thủ tục

vay vốn phía công ty có yêu cầu chị chuyển khoản 10% số tiền vay vào tài khoản 5995888688888 của Huynh Van Trai để chứng minh tài chính của mình thì công ty mới giải ngân. Sau khi chị chuyển tiền 10.000.000đ vào thì không thấy công ty giải ngân chị có điện thoại liên lạc qua Zalo cho người có tên Mạnh Hoàng thì phía công ty có trả lời do thủ tục vay vốn của tôi bị sai nên họ yêu cầu tôi chuyển 55 % số tiền vay tức là 55.000.000đ, họ có nói cho vay 9.000.000đ (chín triệu đồng) tôi chỉ phải chuyển vào 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) do tôi không có tiền tôi biết anh L có dịch vụ chuyển tiền hưởng hoa hồng nên tôi có đến nhờ Luận chuyển tiền hộ, khi nhờ Luận tôi chỉ nói nhờ chuyển hộ chứ không nói gì. Luận có chuyển cho tôi 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) vào tài khoản cho tôi, tôi chuyển tiếp ngày số tiền này cho số tài khoản 5995888688888 của Huynh Van Trai, sau khi tôi chuyển xong phía công ty bảo tôi thủ tục bị sai yêu cầu chuyển tiếp 55.000.000đ nữa. Tôi lại nhờ Luận chuyển, Luận cũng chuyển tiếp cho tôi 55.000.000đ sau khi tôi chuyển tiếp cho công ty số tiền 55.000.000đ thì phía Công ty lại bảo tôi chuyển thêm 110.000.000đ tôi lại bảo Luận chuyển cho tôi, Luận vẫn tiếp tục chuyển thêm tiền theo yêu cầu của tôi, sau đó tôi lại chuyển cho phía Công ty số tiền Luận vừa chuyển lần thứ 3. Sau khi chuyển xong thì tôi có gọi điện về phía công ty thì người bên Công ty có nói do tôi chuyển thừa hạn mức nên không giải ngân được mà đề công ty phải xem xét đã, lúc này tôi mới biết tôi bị lừa nên không có tiền trả cho anh L. anh L có yêu cầu tôi gọi điện cho chồng, tôi có gọi cho anh Tr chồng tôi nhưng anh Tr không nghe máy, tôi có gọi điện cho chị gái nhưng chị gái cũng không nghe máy. Lúc này anh L có yêu cầu tôi viết một giấy nhận nợ tôi có viết giấy nhận nợ với anh L hẹn 5 ngày thu xếp tiền trả anh L, tôi có đưa cho Luận một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố đẻ tôi, một chứng minh nhân dân của tôi và sổ hộ khẩu gia đình và tôi có nói với Luận là chồng tôi làm phòng Nông nghiệp huyện, tôi vay tiền cho chồng trả nợ, và làm ăn. Sau khi sự việc sảy ra tôi có về nhà nói chuyển với chồng tôi thì chồng tôi chỉ nói là sao lại dại thế để bị lừa. Tôi có bàn bạc với chồng nhờ bố chồng thế chấp sổ đỏ để vay tiền và nhờ các anh chị bên nhà chồng nhưng không ai cho vay. Do không có tiền trả nên đến nay tôi vẫn chưa trả được tiền cho anh L. Anh L kiện đòi tôi số tiền nợ là 211.000.000đ và trả lãi theo lức lãi xuất 1%/1 tháng tôi nhất trí nhưng xin trả dần. Việc tôi vay tiền để buôn bán làm ăn phát triển kinh tế chung trong gia đình chứ không phải vay chi tiêu riêng.

Tại bản khai của anh Vũ Xuân Tr trình bầy. Việc chị T vợ anh nhờ anh L chuyển số tiền 211.000.000đ (hai trăm mười một triệu đồng) sau đó chị T bị lừa không còn tiền trả cho anh L thì anh không được biết. Sau khi sự việc sảy ra chị T có về nói với anh, nay gia đình anh hiện nay rất khó khăn không có tiền trả cho anh L được, anh xin trả dần số tiền gốc là 211.000.000đ và nhất trí trả lãi theo mức lãi xuất 1%/1 tháng tính từ ngày 31/5/2022. Sau đó anh Tr có thay đổi lời khai cho rằng việc chị T nhờ chuyển tiền và bị lừa dẫn đến không có tiền trả cho anh L anh không

được biết nên không chịu trách nhiệm. Nay vợ chồng anh đã mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2, điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166; Điều 280; Điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 luật hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giam, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đức L

Xử: Buộc chị Vũ Thị Kim T và anh Vũ Xuân Tr phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho anh Bùi Đức L, chị Trần Thị D số tiền là 211.000.000đ (hai trăm mươi một triệu đồng).

Về tiền án phí: Hoàn trả anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.275.000đ theo biên lai thu tiền số 0008826, ngày 13/6/2022, do chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Chị Vũ Thị Kim T, anh Vũ Xuân Tr phải chịu 10.550.000đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022 anh Vũ Xuân Tr nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang điều tra, xác minh đúng sự thật, không buộc anh phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với chị T trả cho anh L, chị D 212.751.000đ (Hai trăm mười hai triệu bẩy trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là anh Bùi Đức L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là chị Vũ Thị Kim T vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày, anh Vũ Xuân Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Anh Vũ Xuân Tr đã trình bày: Anh không được vay tiền của anh L, khi chị T vay tiền không bàn bạc gì với anh, vợ chồng anh đã sống ly thân và hiện đang làm thủ tục ly hôn. Trong quá trình chung sống chị T đã chơi bời, làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng phải bán hết tài sản để trả nợ, hiện vợ chồng không còn tài sản gì. Anh đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm, buộc cá nhân chị T có nghĩa vụ trả tiền cho anh L, anh không có nghĩa vụ trả tiền cho anh L.

+ Anh Bùi Đức L trình bày: Anh không đồng ý với nội dung kháng cáo của anh Tr, anh đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm

+ Chị Vũ Thị Kim T trình bày: Khi vay tiền của anh L chị có nói là vay để kinh doanh bán hàng online, chị không bàn bạc trước với anh Tr. Chị đề nghị Tòa án buộc một mình chị trả nợ cho anh L.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữa nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, xét kháng cáo của anh Vũ Xuân Tr, thấy:

[1] Anh Vũ Xuân Tr kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng với chị Vũ Thị Kim T trả cho anh L, chị D số tiền 211.000.000đ tiền gốc và 1.751.000đ tiền lãi. Lý do anh Tr đưa ra là chị T vay số tiền của anh L, chị D nhằm mục đích chi tiêu cá nhân, quá trình chung sống vợ chồng anh xảy ra nhiều mâu thuẫn, do chị T chưa sắp xếp được chỗ ở nên chưa chuyển đi nơi khác sinh sống. Hội đồng xét xử thấy: Chị Vũ Thị Kim T và anh Vũ Xuân Tr là vợ chồng hợp pháp, mục đích chị T vay tiền của anh L chuyển cho công ty tài chính nhằm vay vốn để phát triển kinh tế chung của gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2022, ông Lý Đình Q là tổ trưởng tổ dân phố L T, thị trấn B H cung cấp thông tin vợ chồng anh Tr, chị T vẫn chung sống với nhau trên thửa đất của bố anh Tr, không có thông tin gì về việc vợ chồng anh Tr xảy ra mâu thuẫn. Biên bản xác minh ngày 07/9/2022, bà Nguyễn Thị Thanh X là giám đốc Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp cung cấp thông tin đến ngày 03/8/2022 bố anh Tr đến cơ quan báo cáo sự việc vợ chồng anh Tr không sống cùng với nhau nữa nên không có căn cứ để xác định chị T vay tiền của anh L để phục vụ mục đích cá nhân riêng như anh Tr trình bày.

[2] Mặt khác, tại bản tự khai ngày 25/6/2022 anh Tr khẳng định sẽ trả anh L số tiền gốc 211.000.000đ và lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 31/5/2022 nên có căn cứ khẳng định anh Tr biết về việc chị T vợ anh vay tiền anh L để phát triển kinh tế gia đình nhưng anh không phản đối.

[3] Tại thời điểm anh L chuyển cho chị T vay tiền thì chị T và anh Tr vẫn là vợ chồng hợp pháp nên bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế buộc anh Tr và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh L, chị D số tiền 211.000.000đ (hai trăm mươi một triệu đồng) là phù hợp với quy

định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 166, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền lãi 1.751.000đ anh Tr kháng cáo không đồng ý trả, tuy nhiên bản án sơ thẩm không tuyên buộc anh Tr, chị T phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Do vậy, toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Vũ Xuân Tr về các nội dung trên của bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Vì kháng cáo của anh Tr không được chấp nhận nên anh Tr phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 166; Điều 280; Điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 luật hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Xuân Tr, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đức L, buộc chị Vũ Thị Kim T và anh Vũ Xuân Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Bùi Đức L, chị Trần Thị D số tiền 211.000.000đ (Hai trăm mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Vũ Thị Kim T và anh Vũ Xuân Tr phải chịu 10.550.000đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Bùi Đức L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.275.000đ theo biên lai thu tiền số 0008826 ngày 13/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Vũ Xuân Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh Tr nộp tại biên lai số 0008916 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện Yên Thế;
-Chi cục THADS huyện Yên Thế;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Hiển

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang Nguyễn Thị Hương Giang Nguyễn Như Hiển